

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân.

*Các hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Nguyễn Nhứt–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp AB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp AB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/8/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Vào năm 1992 bà với ông T tự nguyện kết sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 07/8/1993 và Nguyễn Thị P1, sinh ngày 07/8/1994. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tạo lập được tài sản chung. Về nợ chung: không có.

Nguyên nhân bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng là do bà với ông T bất đồng quan điểm về lối sống, nhiều lần cự cãi với nhau, ông T đã chung sống với người phụ nữ khác. Bà và ông T không còn sống chung khoảng hơn 05 tháng nay.

Nhận thấy bà với ông T không thể hàn gắn được nên bà có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông T không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 06/11/2024 ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như lời trình bày của bà B. Ông và bà B không còn sống chung khoảng 01 tháng nay, nguyên nhân do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau. Hiện ông và bà T không thể tiếp tục chung sống với nhau, ông có các ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà B là vợ chồng

- Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Ông và bà T có tạo lập tài sản chung là đất, khi ly hôn ông yêu cầu bà B phải chia đất cho ông để ông cất nhà ở. Ông cam kết trong thời gian 10 ngày kể từ ngày hôm nay nếu ông không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung thì Tòa án cứ tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Văn T, do bị đơn cư trú tại ấp AB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị B có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[3] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống chung bà B và ông T phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung. Lẽ đó, căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận là vợ chồng bà B và ông T.

[4] *Về con chung:* Do con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 07/8/1993 và Nguyễn Thị P1, sinh ngày 07/8/1994 đã trưởng thành; có gia đình riêng, bà B và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Do bà B và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà B và ông T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 53, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Do con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 07/8/1993 và Nguyễn Thị P1, sinh ngày 07/8/1994 đã trưởng thành; có gia đình riêng, bà B và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do bà B và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà B và ông T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003559 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Vân**

